TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH N**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2019
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông LÊ CÔNG QUYỀN.

2/ Bà LƯU THỊ TUYẾT MAI.

- Thư ký phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông VÕ HOÀNG NHÂN - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 798/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **HỒ NGỌC T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 17, ấp Trường T, xã Trường H, huyện H, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Chị **TRẦN THỊ KIM N**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 70, Đường số 10 - Ngô Quyền, ấp Long K, xã Long Thành N, huyện H, tỉnh N.

Anh T và chị N có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2019 và lời khai của anh Hồ Ngọc T thể hiện như sau:

Anh Hồ Ngọc T và chị Trần Thị Kim N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2001 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ

năm 2015 đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Bình P, sinh ngày 29/4/2003 đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị Kim N T bày:

Về hôn nhân: Thống nhất như lời T bày của anh T. Trong thời gian chung sống do mâu thuẫn về tài chính nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Do đó, chị N cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung đúng như anh T T bày. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T và chị N vắng mặt có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá T giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh T và chị N là vợ chồng; công nhận sự thỏa thuận của anh chị giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận anh chị không yêu cầu giải quyết; tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T và chị N là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Hồ Ngọc T và chị Trần Thị Kim N chung sống từ năm 2001 không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T và chị N thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu P muốn sống chung với chị N, xét thấy phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của chị N, nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận anh Hồ Ngọc T và chị Trần Thị Kim N là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cháu Trần Bình P, sinh ngày 29/4/2003 cho chị Trần Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Hồ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008129 ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh N, anh T đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).